

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13 – 3 – 2024

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Quốc Tiệp.

2. Ông Huỳnh Văn Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2023, về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trần Văn L.**

Địa chỉ: Ấp H, xã G2, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị H.**

Địa chỉ: Số 155, ấp H, xã G2, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

(Các đương sự đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Trần Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn L với bà Nguyễn Thị H được gia đình tổ chức đám cưới vào tháng 12-1987; ông, bà tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, đến nay không đăng ký kết hôn. Chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm đầu, thì phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên cãi nhau. Ông, bà

không còn sống chung khoảng 09 năm nay. Nay ông L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn.

Về con chung: Ông L với bà H có hai Nời con chung tên Trần Hồng N, sinh năm 1989, đã trưởng thành có cuộc sống riêng, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân và Trần Hồng G, sinh năm 1993 (đã chết vào năm 2013), nên ông L không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H thống nhất với lời trình bày của ông Trần Văn L về: Thời gian đám cưới, chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn; về con chung, tài sản chung và nợ chung. Bà còn tình cảm với ông L, nên bà không đồng ý ly hôn.

3. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận quan hệ giữa nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng. Các đương sự đều thống nhất có hai con chung tên Trần Hồng N, đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân và Trần Hồng G, sinh năm 1993 (đã chết vào năm 2013), nên không xem xét, giải quyết; về tài sản và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, do bị đơn cư trú ấp H, xã G2, huyện X, tỉnh Sóc Trăng nên đây là vụ án ly hôn và việc Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông L và bà H đều cho rằng ông, bà tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 12-1987, nhưng đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi ông, bà cư trú. Ông, bà chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và ông, bà không còn chung sống với nhau khoảng 09 năm nay. Ông L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Theo khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng” và theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật này quy định thì: “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...”. Ông L, bà H chung sống với nhau như vợ chồng, tuy đủ điều kiện kết hôn nhưng ông, bà không đăng ký kết hôn, theo như quy định trên đây thì nay ông L yêu cầu ly hôn với bà H, nên Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận ông L và bà H là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Ông L, bà H đều cho rằng ông, bà có hai Nời con chung là Trần Hồng N, sinh năm 1989 đã trưởng thành có cuộc sống riêng, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân và Trần Hồng G, sinh năm 1993 đã chết vào năm 2013. Đồng thời, ông L đã cung cấp cho Tòa án giấy khai sinh của chị N và trích lục khai tử của chị G. Ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Ông L và bà H đều thống nhất là có tài sản chung, nhưng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Ông L và bà H thống nhất với nhau là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận và lời đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí sơ thẩm: Ông L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố không công nhận ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng.

2. Về con chung là chị Trần Hồng N, sinh năm 1989, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân và Trần Hồng G, sinh năm 1993 đã chết vào năm 2013; các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất là tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự thống nhất với nhau là không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Ông Trần Văn L phải chịu 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010226 ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng; như vậy, ông L đã nộp xong án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án);
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, (khi bản án có hiệu L pháp luật);
- Ủy ban nhân dân xã G2, huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh